

Số: 1040 /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 31 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Cựu Giáo chức tỉnh Khánh Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Theo đề nghị của Hội Cựu Giáo chức tỉnh Khánh Hòa tại Báo cáo số 102/CGC-KH ngày 29/12/2025, Công văn số 0126/CGC-KH ngày 10/3/2026 và ý kiến trình của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 2612/SNV-PC ngày 24/3/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Cựu Giáo chức tỉnh Khánh Hòa đã được Đại hội đại biểu Hội Cựu Giáo chức tỉnh Khánh Hòa lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 thông qua ngày 27/12/2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1539/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Cựu Giáo chức tỉnh Khánh Hòa (trước sáp nhập).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Hội Cựu Giáo chức tỉnh Khánh Hòa, Thủ trưởng cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thi hành);
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Công an tỉnh (PA03);
- VPUB: LĐ, KGVX, TTCB và CTTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TmN, NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thanh Hà



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI CỰU GIÁO CHỨC TỈNH KHÁNH HÒA
(*Phê duyệt kèm theo Quyết định số 1040/QĐ-UBND*
ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

- Tên tiếng Việt: Hội Cựu Giáo chức tỉnh Khánh Hòa.
- Tên viết tắt tiếng Việt: Hội CGC tỉnh KH.
- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Veteran Teacher Association of Khanh Hoa.
- Tên viết tắt: VTAK.
- Biểu tượng: Theo biểu tượng của Hội Cựu Giáo chức Việt Nam.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích của Hội

1. Hội Cựu Giáo chức tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công dân Việt Nam nguyên là nhà giáo, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, trong các cơ quan quản lý giáo dục, đơn vị sự nghiệp giáo dục của ngành giáo dục đào tạo đóng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, tự nguyện gia nhập Hội.

2. Hội được thành lập nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, phát huy truyền thống yêu nước, năng lực, phẩm chất tốt đẹp của nhà giáo, tiếp tục góp phần thực hiện chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh nhà và đất nước vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Điều 3. Tư cách pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu, có tài khoản riêng tại ngân hàng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; Điều lệ Hội được Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt.

2. Trụ sở chính của Hội đặt tại Cơ sở 2 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Khánh Hòa, số 6 đường Đào Duy Từ, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Văn phòng đại diện Hội (cơ sở 2) đặt tại số 219 đường Lê Duẩn, xã Ninh Sơn, tỉnh Khánh Hòa.

3. Email: hoicuugiaochuckh2025@gmail.com.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi tỉnh Khánh Hòa, trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Sở Giáo dục và Đào tạo về ngành, UBND tỉnh, Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

3. Hội là thành viên của Hội Cựu Giáo chức Việt Nam, thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Khánh Hòa.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2. Tuyên truyền mục đích của Hội.
3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.

6. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

7. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

8. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

9. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

10. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

11. Được các cơ quan, đơn vị có liên quan hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ được các cơ quan, đơn vị giao (nếu có).

12. Khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức và hội viên danh dự.

2. Điều kiện để trở thành hội viên

a) Hội viên tổ chức chính thức: Là tổ chức Hội Cựu Giáo chức ở các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đơn vị sự nghiệp giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục và các xã, phường trong phạm vi tỉnh Khánh Hòa được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

b) Hội viên cá nhân chính thức: Là công dân Việt Nam nguyên là nhà giáo, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân, trong các cơ quan quản lý giáo dục, đơn vị sự nghiệp giáo dục của ngành giáo dục và đào tạo.

c) Hội viên danh dự: Là tổ chức có tư cách pháp nhân và công dân Việt Nam, tích cực hoạt động đóng góp có hiệu quả cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo và sự phát triển của Hội.

3. Tiêu chuẩn của hội viên

Tổ chức, công dân Việt Nam đủ điều kiện tại khoản 2 Điều này và có đủ tiêu chuẩn dưới đây có thể trở thành Hội viên của Hội:

a) Tán thành Điều lệ Hội;

b) Tự nguyện gia nhập Hội;

c) Không vi phạm pháp luật của Nhà nước.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật; được Hội thăm hỏi giúp đỡ, tương trợ theo quy chế khi gặp khó khăn.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội; được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức; được tham gia sinh hoạt tư vấn, hoạt động khoa học và sinh hoạt văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch, nghỉ dưỡng do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh Lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được cấp thẻ hội viên của Hội.

7. Được khen thưởng theo quy định của Hội.

8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ Hội; Quy chế, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác thực hiện tốt nhiệm vụ do Hội phân công; tuyên truyền phát triển hội viên mới để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được Lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng Hội phí đầy đủ, đúng hạn, đúng quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp, cấp thẻ Hội viên và thủ tục ra Hội

1. Tổ chức, cá nhân gia nhập Hội phải đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 3 Điều 8 của Điều lệ này, tự nguyện đăng ký gia nhập Hội (theo mẫu Hội quy định); Ban Chấp hành Hội cơ sở trực thuộc lập danh sách trình Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định kết nạp hội viên mới bằng văn bản và cấp thẻ hội viên.

2. Thẻ Hội viên do Trung ương Hội Cựu giáo chức Việt Nam phát hành, Hội Cựu Giáo chức tỉnh vào sổ thẻ, cấp phát cho Hội cơ sở trực thuộc tổ chức trao cho hội viên.

3. Thẻ Hội viên do cá nhân hội viên bảo quản, giữ gìn, không cho mượn; khi thẻ hư, mất cần làm đơn xin cấp lại.

4. Khi hội viên muốn ra khỏi Hội phải tự mình viết đơn gửi Ban Chấp hành Hội cơ sở đang sinh hoạt. Ban Chấp hành Hội cơ sở ghi ý kiến, giải quyết, thu hồi lại thẻ hội viên và báo cáo lên Hội cấp trên.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
6. Hệ thống tổ chức Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 năm 1 lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ Đại hội

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ hoặc Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo Kiểm điểm của Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra và Báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu cử Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;

đ) Thông qua Nghị quyết Đại hội;

e) Các nội dung khác (nếu có).

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội; Ban hành các Quy chế hoạt động cùng các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số Ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) so với số lượng Ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp 02 lần (giữa năm và cuối năm), có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có mặt 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành dự họp; Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín; việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết và quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau, thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành. Ban Thường vụ gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký và các Ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ

a) Triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ họp 3 tháng một lần và có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Thường vụ đề xuất;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có mặt 2/3 (hai phần ba) tổng số Ủy viên Ban Thường vụ dự họp; Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín; việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết và quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số Ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau, thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban và một số Ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc và hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội;

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra

Ban Kiểm tra hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Hệ thống tổ chức Hội

Hệ thống tổ chức Hội theo hai cấp:

1. Hội Cựu Giáo chức tỉnh.
2. Các đơn vị Hội Cựu Giáo chức cơ sở trực thuộc Hội Cựu Giáo chức tỉnh:
 - a) Hội Cựu Giáo chức các trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, trung tâm, cơ sở giáo dục thuộc tỉnh đóng trên địa bàn tỉnh;
 - b) Hội Cựu Giáo chức các xã, phường trên địa bàn tỉnh;
 - c) Việc thành lập các đơn vị Hội Cựu Giáo chức cơ sở trực thuộc Hội Cựu Giáo chức tỉnh thực hiện theo hướng dẫn của Trung ương Hội Cựu Giáo chức Việt Nam và các văn bản pháp quy của Chính phủ và Bộ Nội vụ đã ban hành.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội

- a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;
- b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định tại Điều lệ Hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;
- c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;
- d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản, quyết định của Hội;
- đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội sẽ được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

3. Phó Chủ tịch Hội

- a) Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các Ủy viên Ban Chấp hành. Số lượng và tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành quy định;
- b) Phó Chủ tịch Hội giúp Chủ tịch Hội điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch

Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 19. Tổng Thư ký, Chánh Văn phòng Hội

1. Tổng Thư ký Hội do Ban Thường vụ đề cử trong số các Phó Chủ tịch Hội.

a) Tổng Thư ký Hội giúp Chủ tịch Hội thực hiện, điều hành một số công việc của Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

b) Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Thư ký Hội

- Xây dựng các nghị quyết, quyết định, Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Hội, Quy chế quản lý tài sản, tài chính và các quy định khác của Hội;

- Chuẩn bị các báo cáo, nội dung, công văn triệu tập cho các phiên họp, Hội nghị Ban Thường vụ, Ban Chấp hành, Đại hội nhiệm kỳ.

2. Chánh Văn phòng Hội do Ban Thường vụ đề cử.

a) Chánh Văn phòng Hội giúp Chủ tịch Hội thực hiện tổ chức, điều hành các hoạt động, công việc hàng ngày của Văn phòng Hội;

b) Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật:

- Quản lý hồ sơ, tài liệu, công văn đi và đến của Hội;

- Lập dự trù kinh phí hoạt động, mua sắm tài sản, trang thiết bị cho Hội, kinh phí hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Kiểm tra, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Hội.

Chương V

CHIA TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội.

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về Hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CỦA HỘI

Điều 21. Tài chính tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội

a) Nguồn thu của Hội

- Hội phí hằng năm do hội viên đóng góp theo quy định của Hội;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Hỗ trợ hằng năm của UBND tỉnh và ngành Giáo dục và Đào tạo các cấp (nếu có);
- Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);
- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội (Công tác Văn phòng Hội, Hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Hội nghị Chuyên đề, Đại hội, hoạt động thông tin, tuyên truyền...);
- Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị, phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Chấp hành Hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội

Tài sản của Hội bao gồm trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội và do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được Nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định

của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội. Việc kiểm tra tài chính, tài sản hàng năm của Hội đều được báo cáo công khai trong Hội nghị Ban Chấp hành và được tổng kết báo cáo trong Đại hội nhiệm kỳ.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Tổ chức, đơn vị, hội viên thuộc Hội vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy chế hoạt động của Hội sẽ bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình từ khiển trách, phê bình, cảnh cáo đến khai trừ ra khỏi Hội.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chỉ có Đại hội Hội Cựu Giáo chức tỉnh Khánh Hòa mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Cựu Giáo chức tỉnh Khánh Hòa gồm 8 Chương, 26 Điều đã được Đại hội Đại biểu Hội Cựu Giáo chức tỉnh Khánh Hòa lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025-2030 thông qua ngày 27/12/2025 và có hiệu lực kể từ ngày được Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Cựu Giáo chức tỉnh Khánh Hòa có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.